

# Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm và thực tiễn ở Việt Nam

Trịnh Tiến Việt\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 4 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 5 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 5 năm 2014

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích vị trí, vai trò của Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm, sự cần thiết của cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm, đồng thời liên hệ với thực tiễn Việt Nam, từ đó có những kiến nghị hoàn thiện cơ chế này.

**Từ khóa:** Kiểm soát xã hội đối với tội phạm; Nhà nước; các thiết chế xã hội.

## 1. Vị trí, vai trò của Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Phân tích hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm cho thấy, Nhà nước và các thiết chế xã hội đều có vai trò là chủ thể tiến hành hoạt động kiểm soát tội phạm. Một bên là chính thức, một bên là không chính thức. Một bên là trách nhiệm đương nhiên. Một bên là trách nhiệm xã hội. Một phía là có bộ máy làm việc được chi trả để làm việc. Một bên không có chi phí. Kết quả, hiệu quả kiểm soát tội phạm thể hiện chính thức, còn bên kia thì không thể hiện chính thức. Chính vì vậy, vị trí, vai trò của các chủ thể này trong hệ thống kiểm soát không giống nhau. Do đó, rất cần được nghiên cứu cơ chế phối hợp nhằm tìm ra ưu điểm, hạn chế nhược điểm vì

cùng mục đích chung là ngăn ngừa và hạn chế tội phạm trong xã hội.

- *Vị trí, vai trò của Nhà nước trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm.* Theo định nghĩa của Từ điển, Nhà nước được hiểu là: “bộ máy tổ chức chính trị của một xã hội, đứng đầu là Chính phủ, do giai cấp nắm chính quyền thành lập để điều hành, quản lý đất nước duy trì quyền lợi, địa vị của mình” [1] hoặc dưới góc độ Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Nhà nước là: “một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt với bộ máy thực hiện cưỡng chế và quản lý xã hội” [2]; v.v...

Như vậy, trong xã hội, Nhà nước chiếm vị trí *trung tâm của hệ thống* kiểm soát xã hội đối với tội phạm. Với chức năng quản lý, duy trì trật tự xã hội, Nhà nước là chủ thể tiến hành hoạt động kiểm soát tội phạm chính thức trong xã hội. Nhà nước có hệ thống các cơ quan

\* ĐT: 84-945586999.

Email: viet180411@gmail.com

quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp với lực lượng cán bộ, công chức có nghiệp vụ chuyên môn và các công cụ chính sách, pháp luật, phương tiện vật chất, kỹ thuật để tiến hành kiểm soát tội phạm. Thông qua ban hành các quy định pháp luật (đạo luật), Nhà nước xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào bị coi là tội phạm, quy định chế tài pháp luật (thể hiện phản ứng của Nhà nước) đối với tội phạm ấy.

Ngoài ra, Nhà nước tổ chức thi hành pháp luật nhằm bảo đảm tất cả các quy định pháp luật của Nhà nước được tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. Đặc biệt, thông qua các hoạt động tư pháp (điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án), Nhà nước (mà đại diện là các cơ quan tư pháp được giao các chức năng kiểm soát tội phạm) phát hiện, ngăn chặn tội phạm, trừng phạt người phạm tội và phòng ngừa họ tái phạm, cũng như có các biện pháp giáo dục, cải tạo, phục thiện để giúp người phạm tội tái hòa nhập với xã hội; v.v...

Hoạt động kiểm soát tội phạm chính thức và chuyên nghiệp cùng với vị thế đặc biệt của Nhà nước trong xã hội dẫn đến Nhà nước giữ vai trò lãnh đạo, điều hành toàn bộ hệ thống kiểm soát xã hội. Một cách tự nhiên Nhà nước *định hướng cho hoạt động kiểm soát tội phạm, xác định đối tượng kiểm soát* bởi lẽ loại hành vi nào bị coi là tội phạm, loại (nhóm) tội phạm nào cần lên án mạnh mẽ, đấu tranh quyết liệt và triệt để đều phụ thuộc vào quan điểm của Nhà nước trong việc tội phạm hóa và xác định mức độ trách nhiệm hình sự trong chính sách hình sự.

Như vậy, ngoài việc hoạch định chính sách hình sự trong việc phòng, chống tội phạm (kiểm soát tội phạm), Nhà nước cũng chính là chủ thể *quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kiểm soát tội phạm*. Khi thực thi chức năng quản lý mọi

mặt của đời sống xã hội, phạm vi quản lý của Nhà nước bao gồm hoạt động của mọi lực lượng, tổ chức trong xã hội. Việc tham gia kiểm soát tội phạm của các lực lượng xã hội được khuyến khích, thúc đẩy hay bị hạn chế, kìm hãm phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước. Mức độ tham gia, biện pháp kiểm soát của các tổ chức xã hội nói chung đều phải được Nhà nước công nhận, quản lý và cho phép.

- *Vị trí, vai trò của các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm*. Bên cạnh đó, cùng là chủ thể của hoạt động kiểm soát xã hội đối với tội phạm nhưng các thiết chế xã hội có vị trí, vai trò khác với Nhà nước trong hệ thống kiểm soát này. Hiện nay, quan niệm về thiết chế xã hội về cơ bản cũng tương đối thống nhất. Thiết chế xã hội là: “một tập hợp bền vững của các giá trị, chuẩn mực, vị thế, vai trò và nhóm vận động xung quanh một nhu cầu cơ bản của xã hội” [3] hoặc cũng có thể hiểu thiết chế xã hội như là: “một tổ chức nhất định của hoạt động xã hội và các quan hệ xã hội được thực hiện bằng những hệ thống ăn khớp của các hành vi con người với các chuẩn mực, quy phạm xã hội” [3]; v.v...

Nói chung, trong một xã hội thường có các thiết chế cơ bản như: gia đình, giáo dục, kinh tế, chính trị, pháp luật... Do đó, để duy trì tính chất ràng buộc đối với thành viên, bảo đảm sự tồn tại bền vững của mình, thiết chế có hai chức năng chủ yếu:

- Khuyến khích, điều chỉnh, điều hòa hành vi của con người phù hợp với quy phạm và chuẩn mực xã hội và tuân thủ thiết chế;

- Ngăn chặn, kiểm soát, giám sát những hành vi lệch lạc do thiết chế quy định... [3].

Như vậy, bằng việc điều chỉnh hành vi của con người cho phù hợp với các quy phạm và chuẩn mực xã hội - trong đó có quy phạm pháp luật - thiết chế đã góp phần giữ gìn trật tự xã

hội, ngăn ngừa vi phạm pháp luật nói chung và tội phạm nói riêng. Do đó, trong cuộc đấu tranh chống lại các hành vi lệch chuẩn, vi phạm pháp luật và tội phạm, vi phạm lợi ích chung của cộng đồng đòi hỏi phải có sự tham gia trước hết của tất cả các công dân trong xã hội, sự đồng lòng của tất cả các cơ quan chuyên trách kiểm soát tội phạm của Nhà nước và các thiết chế xã hội, cũng như cộng đồng xã hội.

Các thiết chế xã hội thường không có lực lượng chuyên biệt kiểm soát tội phạm. Việc thực hiện chức năng kiểm soát tội phạm được lồng ghép trong các chức năng, hoạt động thông thường của thiết chế. Mỗi thiết chế đóng một vai trò và có một chức năng quan trọng khác nhau.

Ví dụ: Gia đình có chức năng giáo dục đối với các thành viên, trong đó chính ông bà, cha mẹ giáo dục cho con cháu bằng cách nêu gương tốt, giảng giải các quy tắc đạo đức, chuẩn mực xã hội... Nhờ vậy, hành vi của các thành viên trong gia đình được định hướng, khuôn mẫu vào các chuẩn mực xã hội, tránh lệch lạc, lệch chuẩn, phạm tội.

Hoặc cộng đồng dân cư với sự quan tâm, gắn bó, dư luận, tinh thần cảnh giác... cũng là những cách thức hữu hiệu để phòng ngừa, phát giác, chủ động phòng ngừa và lên án tội phạm... Các tổ chức giáo dục là nơi truyền đạt cho con người kiến thức về tự nhiên và xã hội, bao gồm trong đó các chuẩn mực pháp luật.

Các nghiên cứu của Xã hội học và Tội phạm học đều cho thấy hưởng thụ nền giáo dục tốt là một nhân tố hạn chế hành vi phạm tội của cá nhân. Hay các tổ chức tôn giáo với hệ thống giáo lý, giáo luật cũng là những cơ chế kiểm soát, điều chỉnh hành vi con người. Hầu hết các tôn giáo đều có xu hướng khuyến thiện, làm điều phúc, động viên tín đồ không làm những điều ác, xâm hại đồng loại; v.v...

Hoạt động kiểm soát tội phạm không phải là chức năng chính của các thiết chế xã hội, không phải là nhiệm vụ đặt ra trước các thiết chế này như đối với Nhà nước mà nó được các thiết chế thực hiện tự nhiên bởi chính sự tồn tại, phát triển của thiết chế. Tuy vậy, nhưng khả năng kiểm soát tội phạm của các thiết chế xã hội lại vượt tới phạm vi mọi ngõ ngách, góc cạnh của đời sống xã hội mà Nhà nước không thể hoạt động phủ khắp được, cũng như về mặt thực tiễn rõ ràng và đương nhiên không thể làm được một cách trọn vẹn và đầy đủ được.

Như vậy, các thiết chế xã hội chủ yếu kiểm soát tội phạm ở nội tại *bên trong*, tức là kiểm soát tư tưởng phạm tội của con người, để họ tự răn đe, cảnh tỉnh, uốn nắn mình. Những giá trị, chuẩn mực, sự ràng buộc trong thiết chế xã hội khiến con người biết căm ghét tội phạm, biết lo sợ bị trừng phạt, bị mất vị thế xã hội, sợ ảnh hưởng đến gia đình, họ hàng, cơ quan, tổ chức, đồng nghiệp... khi thực hiện tội phạm, dẫn đến họ không phạm tội. Chiều *sâu* hiệu quả của sự kiểm soát đó chính là sự bổ sung cần thiết cho hoạt động kiểm soát bên ngoài của Nhà nước. Chiều *rộng* là sự kết hợp giữa các thiết chế xã hội với pháp luật để răn đe, cảnh tỉnh những người có "*nguy cơ, mong muốn*" phạm tội. Vì vậy, mỗi cá nhân công dân, tự bản thân mỗi người cần phải rèn luyện, nâng cao ý thức, trách nhiệm đạo đức, ý thức xã hội vì đó là cơ sở, nền tảng để nâng cao ý thức, trách nhiệm pháp lý của họ với xã hội, với cộng đồng và với Nhà nước.

Ngoài ra, Nhà nước và xã hội cũng cần khuyến khích, tuyên dương những công dân khi họ tuân thủ luật pháp, dám đấu tranh chống tiêu cực, tố cáo những sai trái, vi phạm lợi ích cộng đồng, nhưng cũng phải bảo vệ tính mạng, danh dự, nhân phẩm và tài sản của họ, cũng như can thiệp, hỗ trợ, theo dõi các cơ quan, tổ chức liên quan khi giải quyết vụ việc đó. Đây là mối quan

hệ giữa trách nhiệm Nhà nước, trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội.

Tóm lại, không có vị trí trung tâm, không chuyên nghiệp trong kiểm soát tội phạm như Nhà nước nhưng các thiết chế xã hội là lực lượng hỗ trợ và đồng hành không thể thiếu được cùng Nhà nước trong hệ thống kiểm soát tội phạm.

## **2. Sự cần thiết của cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm**

Cùng tham gia hoạt động kiểm soát tội phạm nên giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội cần phải có một cơ chế phối hợp chặt chẽ.

“*Cơ chế*”, theo Đại Từ điển tiếng Việt định nghĩa là: “cách thức sắp xếp tổ chức để làm đường hướng, cơ sở theo đó mà thực hiện” [1] hoặc dưới góc độ khoa học pháp lý, “*cơ chế*” lại được hiểu là: “tổng thể các bảo đảm về vật chất, chính trị, tư tưởng, pháp lý, tổ chức, nghiệp vụ cho việc thực hiện một quyền nào đó hoặc một việc nào đó” [4]; v.v...

Do đó, xét riêng về cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm cho thấy, sự cần thiết phải có cơ chế phối hợp là xuất phát từ các yếu tố tác động khác nhau như: vị trí, vai trò, đặc thù và những ưu thế có tính bổ sung cho nhau của hai chủ thể này trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm.

- Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm xuất phát từ chức năng, vị trí và vai trò của mỗi chủ thể. Như đã đề cập ở trên, theo Lý thuyết kiểm soát xã hội, Nhà nước và các thiết chế xã hội đều có tư cách là

chủ thể tiến hành kiểm soát tội phạm. Cùng tham gia một loại hoạt động nên nếu không có cơ chế phối hợp hiệu quả thì hoạt động giữa các chủ thể có thể trùng lặp hoặc mâu thuẫn với nhau. Phổ biến nhất là khả năng vi phạm nguyên tắc hoặc lấn át, vi phạm thẩm quyền lẫn nhau. Chẳng hạn, chính các thiết chế xã hội lại có thể vi phạm quy định của Nhà nước, vượt quyền trong quá trình kiểm soát tội phạm.

Ví dụ: Câu chuyện cộng đồng dân cư ở Nhĩ Trung, Gio Thành, Gio Linh, Quảng Trị đánh chết hai mạng người vì phát hiện hành vi trộm một con chó của họ [5] hay tương tự như vậy, một thanh niên 26 tuổi ở bị tập thể cư dân xóm Xuân Phúc, Nghi Xuân, Nghi Lộc, Nghệ An đánh chết khi câu trộm chó... [6].

Như vậy, việc phát hiện và đấu tranh với tội phạm là một trong những mặt hoạt động kiểm soát tích cực của cộng đồng dân cư, tuy nhiên chỉ Nhà nước (mà đại diện là các cơ quan có thẩm quyền) mới có quyền phán xử, áp dụng biện pháp xử lý, trừng phạt người phạm tội. Trong trường hợp này, do cộng đồng dân cư không phối hợp hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (thông tin, tố giác với Cơ quan Điều tra) dẫn đến tình trạng hoạt động kiểm soát tội phạm lại làm phát sinh vi phạm (tội phạm) mới.

Cùng có vai trò chủ thể kiểm soát nhưng vị trí của Nhà nước và các thiết chế xã hội khác nhau. Nhà nước là trung tâm của hệ thống, tiến hành hoạt động kiểm soát chính thức và định hướng hoạt động cho cả hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm. Trong khi đó, các thiết chế xã hội tuy hoạt động kiểm soát không chính thức, chịu sự quản lý, điều hành của Nhà nước nhưng lại bổ sung, hỗ trợ về mặt phạm vi hoạt động, phương thức tác động cho kiểm soát chính thức của Nhà nước. Chẳng hạn, các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ... kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra

tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình (khoản 2 Điều 4 Bộ luật hình sự Việt Nam).

- Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm xuất phát từ đặc thù về phương thức kiểm soát tội phạm. Hoạt động kiểm soát của Nhà nước là kiểm soát bên ngoài, tập trung vào kiểm soát hành vi phạm tội bằng việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm. Có thể nói rằng, đối tượng kiểm soát của Nhà nước là hiện tượng tội phạm với mục tiêu làm giảm bớt (hạn chế) tội phạm trong xã hội. Trong khi đó, hoạt động kiểm soát của các thiết chế xã hội là kiểm soát bên trong, chủ yếu sử dụng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, chỉ trích, ràng buộc, giám sát... để hạn chế nguy cơ phạm tội. Nói một cách khác, đối tượng kiểm soát của các thiết chế xã hội là nguyên nhân tội phạm - với mục đích không chế, thủ tiêu các nguyên nhân gây ra tội phạm.

Đặc thù về phương thức tác động của hai loại chủ thể kiểm soát có thể thấy rõ trong bảng so sánh với *ba* tiêu chí cơ bản sau đây:

Tiêu chí	Nhà nước	Các thiết chế xã hội
Hướng tác động	Chủ yếu tác động vào hành vi thể hiện ra ngoài thế giới khách quan của con người.	Chủ yếu tác động tới nội tâm, suy nghĩ, tư tưởng bên trong con người.
Biện pháp kiểm soát	Phát hiện, điều tra và xử lý.	Giáo dục, thuyết phục, chỉ trích, ràng buộc, giám sát...
Mục đích kiểm soát	Làm giảm hiện tượng tội phạm (tình hình tội phạm).	Làm giảm nguyên nhân phát sinh tội phạm.

Cho nên, rõ ràng, để kiểm soát tội phạm có hiệu quả nhất định cần đến đồng thời cả kiểm soát tư tưởng lẫn kiểm soát hành vi phạm tội, không chế cả hiện tượng tội phạm lẫn thủ tiêu nguyên nhân phạm tội. Nói một cách khác,

không chỉ không chế, hạn chế tình hình tội phạm, mà còn khắc phục nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Vì vậy, một cơ chế phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa Nhà nước và các tổ chức xã hội trong hệ thống kiểm soát tội phạm là hết sức cần thiết. Chẳng hạn, các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội; v.v...; cũng như phải có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ.

- Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm xuất phát từ ưu thế khác biệt trong kiểm soát tội phạm giữa các chủ thể này. Phục vụ cho chức năng kiểm soát tội phạm, Nhà nước và các thiết chế xã hội đều có những ưu thế riêng biệt đòi hỏi sự phối hợp để bổ sung và bù đắp lẫn nhau. Cụ thể, về nhân lực phục vụ hoạt động kiểm soát tội phạm, Nhà nước có ưu thế với đội ngũ cán bộ, công chức với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và công cụ pháp luật, hệ thống các phương tiện vật chất kỹ thuật cần thiết. Đội ngũ này tinh nhuệ và hoạt động kiểm soát tội phạm chuyên nghiệp, trấn áp kịp thời tội phạm. Tuy nhiên, lực lượng này còn bị hạn chế về số lượng, vì ngoài nhiệm vụ đấu tranh, trấn áp tội phạm còn có nhiệm vụ khác như duy trì trật tự xã hội, công tác quản lý hành chính... Trong khi đó, lực lượng của các thiết chế xã hội tuy không tinh nhuệ, chuyên nghiệp, đào tạo cơ bản để kiểm soát tội phạm nhưng lại đông đảo, rộng khắp, dàn trải, tầng nấc khác nhau và có khả năng vươn tới kiểm soát mọi ngóc ngách, hang hẻm của xã hội. So sánh về thế mạnh này, tại lễ thành lập Công an nhân dân vũ trang (tháng 3-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Một vạn Công an chỉ có hai vạn tai, hai vạn mắt, hai vạn tay chân, nhưng nhân dân có hàng triệu tai, hàng triệu mắt, hàng triệu tay chân” [7]. Trên cơ sở đó, Người căn dặn lực

lượng Công an phải dựa vào “tai mắt nhân dân” để thực hiện nhiệm vụ giữ gìn trật tự, an ninh xã hội. Ngày 29-4-1963, khi đến thăm hội nghị cán bộ ngành công an, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục căn dặn: “Phải ra sức phát động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ trị an, giáo dục quần chúng nâng cao tinh thần làm chủ đất nước, tinh thần cảnh giác đối với kẻ thù của nhân dân, tích cực phòng và chống gián điệp biệt kích. Muốn đạt được kết quả đó thì công an phải hết lòng giúp đỡ nhân dân và dựa vào lực lượng hùng mạnh của nhân dân” [8]. Đó cũng chính là yêu cầu về cơ chế phối hợp mà chúng ta đang đề cập ở đây:

+ *Về khả năng phản ứng với tội phạm*: giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội cũng có những ưu thế khác biệt. Hành vi tội phạm diễn ra đồng thời với mọi hoạt động thông thường khác trong đời sống xã hội ở gia đình, cộng đồng, nhà trường, trong cơ quan, tổ chức nên các lực lượng trong các thiết chế xã hội có khả năng nhận diện, phát giác sớm và phản ứng nhanh với vi phạm pháp luật và tội phạm hơn lực lượng chuyên nghiệp, chuyên trách của Nhà nước. Tuy vậy, khả năng chiến đấu với tội phạm của các lực lượng xã hội lại không mạnh mẽ bằng cơ quan chức năng của Nhà nước được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp và trang bị công cụ, phương tiện phòng, chống và trấn áp tội phạm. Thế mạnh về phát hiện và thế mạnh về xử lý tội phạm đó phải được phối hợp với nhau mới tạo thành một hệ thống kiểm soát tội phạm hoàn chỉnh.

+ *Về hiệu quả kiểm soát tội phạm*: Theo đó, nếu so sánh thì hoạt động của các thiết chế xã hội đạt được hiệu quả cao hơn trong phòng ngừa tội phạm. Bằng nhiều phương pháp khác nhau như: giáo dục, ràng buộc, khuyến khích, lên án... gia đình, cộng đồng dân cư, trường học, tổ chức tôn giáo... ngăn ngừa các thành viên của mình thực hiện tội phạm, cụ thể như sau:

a) *Chuẩn mực gia đình*: là các quy tắc để giúp cho mỗi thành viên trong gia đình sống tốt, hòa thuận, yêu thương nhau, giúp đỡ và chia sẻ với nhau, cùng gánh vác công việc, phân công nghĩa vụ, địa vị chi phối các mối quan hệ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, về những điều thiện - ác, thật - giả thông qua chức năng giáo dục của gia đình...

b) *Chuẩn mực tôn giáo*: là các quy tắc thông qua các giáo điều, giáo lý, lời răn... giúp cho con người biết tôn thờ, hướng thiện, làm điều tốt, điều thiện, điều có phước.

c) *Chuẩn mực đạo đức*: là các quy tắc, yêu cầu để xác lập chung về công bằng và bất công, lương tâm, danh dự, phạm trù đời sống tinh thần mà mỗi con người phải tuân theo bên cạnh chuẩn mực pháp lý.

d) *Chuẩn mực phong tục, tập quán*: là các quy tắc sinh hoạt của cộng đồng, dân cư được lặp đi, lặp lại nhiều lần qua năm, tháng thành thói quen, mẫu mực trong giao tiếp, ứng xử và hành lễ...

đ) *Chuẩn mực thẩm mỹ*: là các quy tắc được thừa nhận rộng rãi trong xã hội về cái đẹp, cái xấu, lối sống và sinh hoạt, trong lao động, công việc...

Trong khi đó, hoạt động của Nhà nước lại đạt hiệu quả cao hơn về phương diện pháp lý thông qua việc trừng trị, răn đe tội phạm, ngăn ngừa tái phạm, vì người phạm tội đã vi phạm chuẩn mực pháp lý (pháp luật) - những quy tắc, xử sự thành văn đã được Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước. Việc Nhà nước áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất của pháp luật hình sự đối với người phạm tội, đưa họ ra điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án chính là biện pháp trừng trị thích đáng nhằm khôi phục công lý, duy trì lại công bằng trong xã hội đã bị người phạm tội và tội phạm xâm phạm, răn đe để ngăn ngừa họ

tái phạm, đồng thời cũng góp phần giáo dục, phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tóm lại, Nhà nước và các thiết chế xã hội có những ưu điểm cũng như hạn chế khác nhau trong thực hiện chức năng kiểm soát tội phạm. Trong đó, thế mạnh của lực lượng này chính là hạn chế của lực lượng kia và ngược lại. Vậy nên, một cơ chế phối hợp chặt chẽ là cần thiết để phát huy toàn bộ ưu thế, sức mạnh của các lực lượng ấy và bổ khuyết cho những hạn chế của riêng chúng.

### **3. Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội trong kiểm soát xã hội đối với tội phạm ở Việt Nam hiện nay**

Ở Việt Nam, nhận thức về hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm cũng đã được thể hiện trong nhiều quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Hiến pháp Việt Nam năm 1992, sửa đổi năm 2001 trước đây đã quy định: “Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật” (Điều 12). Đến Hiến pháp năm 2013 các quy định này tương ứng được tiếp tục ghi nhận các điều 2, 8, 46; v.v... Điều này thể hiện quan điểm kiểm soát tội phạm không phải là nhiệm vụ của riêng Nhà nước và sự công nhận vai trò tham gia kiểm soát tội phạm của các lực lượng xã hội (tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân).

Trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật Việt Nam đã xác định vai trò, vị trí, cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và các lực lượng xã hội trong kiểm soát tội phạm và đạt được những thành tựu nhất định trong xây dựng cơ chế này. Tuy nhiên, cũng còn nhiều hạn chế dẫn đến chưa phát huy

được sức mạnh tổng hợp của hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm. Thực trạng đó được phản ánh qua các phân tích về những ưu điểm và các hạn chế trong cơ chế này dưới đây.

#### **- Ưu điểm:**

+ Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước với tổ chức xã hội trong hoạt động kiểm soát tội phạm được công khai khẳng định và tính chất phối hợp trong quan hệ đó được xác định là trách nhiệm của các bên. Nhận thức về sự cần thiết và hiệu quả kiểm soát tội phạm từ cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội nên quan hệ phối hợp này chính thức được khẳng định trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự của nước ta. Tính chất phối hợp trong quan hệ đó cũng được quy định là trách nhiệm thuộc về cả phía cơ quan Nhà nước lẫn các tổ chức xã hội.

Khoản 1 Điều 4 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 xác định trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm như sau: “Các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng”. Sự hướng dẫn, giúp đỡ của cơ quan chức năng Nhà nước đối với tổ chức xã hội chính là trách nhiệm phối hợp từ phía Nhà nước.

Cơ quan Nhà nước cũng phải bảo đảm cho quyền tham gia, phối hợp của các tổ chức xã hội trong kiểm soát tội phạm. “*Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức và công dân tham gia tố tụng hình sự; phải trả lời kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm cho tổ chức đã báo tin, người đã tố giác tội phạm biết*” (khoản 2 Điều 25 Bộ

luật tố tụng hình sự năm 2003). Ngược lại, các tổ chức xã hội có trách nhiệm chấp hành sự hướng dẫn, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan Nhà nước làm nhiệm vụ kiểm soát tội phạm: “Các tổ chức, công dân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ” (khoản 3 Điều 25 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

+ Trong cơ chế phối hợp, vị trí, vai trò của Nhà nước và các thiết chế xã hội đã được xác định rõ ràng. Khoản 1 Điều 4 Bộ luật hình sự Việt Nam đã quy định các cơ quan chức năng của Nhà nước như Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra là các cơ quan chuyên trách, giữ vị trí trung tâm của hệ thống kiểm soát tội phạm. Các chức năng, nhiệm vụ mà điều luật yêu cầu những cơ quan này phải thi hành đầy đủ chính là chức năng - phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự đã được quy định trong các văn bản như Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Thanh tra, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự; v.v...

Vị trí trung tâm, điều hành hệ thống kiểm soát tội phạm của các cơ quan chuyên trách này còn được thể hiện qua nhiệm vụ “*hướng dẫn, giúp đỡ*” các lực lượng xã hội khác (các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân) đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Nhiệm vụ “*hướng dẫn*” các chủ thể khác chắc chắn chỉ thuộc về chủ thể có vai trò điều hành, định hướng cả hệ thống.

Bên cạnh Nhà nước, các tổ chức, cá nhân được xác định có vai trò hỗ trợ, tham gia vào hoạt động kiểm soát tội phạm. Khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Bộ luật hình sự Việt Nam quy định trách nhiệm của các lực lượng này như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ pháp luật và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

b) Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Vai trò tham gia của các tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 khẳng định lại một cách cụ thể hơn: “*Các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức*” (khoản 1 Điều 25).

Sự phân định rõ vai trò, vị trí giữa chủ thể Nhà nước và các lực lượng xã hội chính là cơ sở của cơ chế phối hợp. Xuất phát từ vị trí trong hệ thống bộ máy Nhà nước và các cơ quan, tổ chức xã hội, trách nhiệm phối hợp của các chủ thể mới được xác định cụ thể. Sự phối hợp hoạt động của lực lượng hỗ trợ như các thiết chế xã hội chắc chắn phải tuân thủ và xoay quanh hoạt động kiểm soát của lực lượng trung tâm, điều hành là Nhà nước.

+ Phạm vi, khuôn khổ, phương thức hoạt động kiểm soát của Nhà nước và các thiết chế xã hội được phân định rõ ràng nhằm bảo đảm cho sự phối hợp nhịp nhàng. Trên cơ sở xác định vai trò, vị trí của Nhà nước, các tổ chức xã hội, dân cư trong hệ thống kiểm soát tội phạm, Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự nước ta quy định rõ về phạm vi hoạt động của các chủ thể này. Các quy định ở trên xác định cơ quan chuyên trách của Nhà nước “*thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình*” trong kiểm



soát tội phạm tức là các hoạt động phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm và thi hành án theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong khi đó, để kiểm soát tội phạm, các tổ chức xã hội tham gia hoạt động này bằng các biện pháp như:

a) Giáo dục thành viên của mình của mình nâng cao cảnh giác, ý thức tôn trọng, pháp luật và tuân theo pháp luật;

b) Kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong tổ chức, đơn vị của mình;

c) Phát hiện, tố giác hành vi phạm tội khác.

Việc phân định rõ phạm vi hoạt động là hết sức cần thiết để tránh sự chồng chéo, xâm lấn thẩm quyền của nhau giữa các lực lượng tham gia kiểm soát tội phạm.

- Tính chất phối hợp trong quan hệ giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội đã được thể hiện xuyên suốt các hoạt động kiểm soát tội phạm cơ bản. Tính chất phối hợp hoạt động giữa các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội được thực hiện từ khâu phòng ngừa tội phạm, phát hiện và đấu tranh xử lý tội phạm đến thi hành án, giúp đỡ người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng, cụ thể là:

+ *Đối với hoạt động phòng ngừa tội phạm*, như đã phân tích Điều 4 Bộ luật hình sự ở trên, các cơ quan, tổ chức xã hội có trách nhiệm: giáo dục thành viên nâng cao cảnh giác với tội phạm, tôn trọng pháp luật; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình. Để giúp đỡ, hỗ trợ các tổ chức thực hiện trách nhiệm đó, trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiệm vụ tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Các tổ chức hữu quan phối hợp bằng nghĩa vụ

trả lời về việc thực hiện yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án (Điều 27 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Cùng với việc ra bản án, Tòa án ra kiến nghị tổ chức hữu quan áp dụng những biện pháp cần thiết để khắc phục những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm tại các cơ quan, tổ chức đó. Đáp lại, tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết những biện pháp được áp dụng (Điều 225 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

+ *Đối với hoạt động đấu tranh, xử lý tội phạm*, các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội, tham gia đấu tranh chống tội phạm. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức và công dân tham gia tố tụng hình sự; phải trả lời kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm cho tổ chức đã báo tin, người đã tố giác tội phạm biết (Điều 25 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Để giúp sức cho cơ quan chức năng đấu tranh, xử lý tội phạm, các cá nhân, tổ chức có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã. Sau khi bắt cá nhân, tổ chức phải bàn giao cho (giải ngay đến) cơ quan chức năng của Nhà nước (Điều 82 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003).

+ *Đối với hoạt động giáo dục, cải tạo người phạm tội*, trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan chức năng của Nhà nước và gia đình, cộng đồng được quy định trước hết thuộc về phía cơ quan Nhà nước. Chẳng hạn Điều 39 Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định rõ vấn đề này:

a) Trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm định kỳ sáu tháng một lần *thông báo tình hình chấp hành án của phạm nhân* cho thân nhân của họ.

b) Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp

với gia đình phạm nhân, chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân *quan tâm động viên phạm nhân tích cực học tập, lao động, rèn luyện để được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước; hỗ trợ các hoạt động giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phạm nhân tái hòa nhập cộng đồng* sau khi chấp hành xong án phạt tù; v.v...

Theo quy định này, cơ quan thi hành án phải có chế độ thông tin thường xuyên và chủ động phối hợp hoạt động với gia đình phạm nhân, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân khác nhằm giáo dục, cải tạo phạm nhân, giúp đỡ họ tái hòa nhập với cộng đồng. Ngoài ra, liên quan riêng đến thi hành án treo và án cải tạo không giam giữ, Luật này quy định Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phải phối hợp với gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập trong việc giám sát, giáo dục người đó (Điều 63 và Điều 74 Luật thi hành án hình sự năm 2010). Về phía gia đình người chấp hành án, Luật quy định có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người chấp hành án; thông báo kết quả chấp hành án của người đó với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu (Điều 70 và Điều 81 Luật thi hành án hình sự năm 2010).

Bên cạnh đó, Điều 25 và Điều 28 Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16-9-2011 của Chính phủ "*Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*" đã nêu rõ và trực tiếp trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp xã trong việc phối hợp bảo đảm công tác tái hòa nhập đối với người chấp hành xong án phạt tù, bảo đảm kiểm soát xã hội đối với tội phạm. Theo đó Điều 25 quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải:

a) Tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng;

b) Phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và vận động nhân dân trong khu vực dân cư phối hợp chặt chẽ với gia đình quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù;

c) Vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù;

d) Làm thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt cho người chấp hành xong án phạt tù đã có tiến bộ rõ rệt và đã lập công nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định; v.v...

Tóm lại, cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hoạt động kiểm soát tội phạm hiện nay có những ưu điểm sau:

+ Cơ chế này được công khai khẳng định và quan hệ phối hợp được luật định là trách nhiệm của các bên; trong cơ chế phối hợp, vị trí, vai trò của Nhà nước và các thiết chế xã hội đã được xác định rõ ràng;

+ Phạm vi, khuôn khổ, phương thức hoạt động kiểm soát của Nhà nước và các thiết chế xã hội được phân định rạch ròi nhằm bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ và có hệ thống;

+ Tính chất phối hợp trong quan hệ giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội đã được thể hiện xuyên suốt các hoạt động kiểm soát tội phạm bao gồm - phòng ngừa tội phạm; đấu tranh và xử lý tội phạm; giáo dục, cải tạo và tăng tính hướng thiện trong cảm hóa người phạm tội.

**- Hạn chế:**

+ Mặc dù được công khai khẳng định nhưng sự phối hợp hoạt động giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội trong kiểm soát tội phạm mới chỉ được quy định trách nhiệm chưa phải nghĩa vụ bắt buộc. Do chỉ được quy định là trách nhiệm nên sự phối hợp đó được thực hiện thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào nhận thức, nỗ lực của các bên. Chẳng hạn trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức xã hội tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm của cơ quan chức năng Nhà nước vì không phải là nghĩa vụ nên cơ quan chức năng có thể phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn, chỉ đạo sát sao hoặc nhưng lỏng lẻo, hời hợt.

Ví dụ: Lực lượng dân phòng là một tổ chức quần chúng được thành lập phổ biến ở các tỉnh, thành phố trên cả nước nhằm hỗ trợ cơ quan chức năng chuyên trách bảo vệ pháp luật để giữ gìn trật tự, an ninh xã hội, phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm nhưng sự phối hợp hoạt động giữa hai lực lượng này mỗi nơi một khác. Có nơi ban hành quy chế hoạt động trong đó xác định rõ ràng cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Tổ Dân phòng rất rõ ràng như ở tỉnh Bình Dương (Quyết định số 142/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Dân phòng); Đồng Nai (Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 23-11-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về tổ chức và hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai); v.v...

Trong khi đó, lại có nơi, địa phương lực lượng dân phòng được cơ quan chức năng sử dụng tham gia giữ gìn trật tự, an ninh xã hội nhưng lại hạn chế về hiểu biết pháp luật, không được hướng dẫn kỹ về nghiệp vụ, thậm chí lạm quyền của cơ quan chức năng khi hoạt động... [9]. Hay như mô hình Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm của nhân dân Bình Dương, thành phố

Hồ Chí Minh (thường gọi là “Hiệp sĩ đường phố”) hoạt động rất có hiệu quả, giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ một số lượng tội phạm đáng kể. Tuy nhiên, cơ bản lực lượng này hoạt động tự phát, chưa có sự phối hợp, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ, trang bị kiến thức pháp luật đầy đủ từ phía cơ quan chức năng nhà nước nên đôi khi hoạt động của họ can dự trái nguyên tắc vào hoạt động công vụ của các cơ quan chức năng, thậm chí đôi khi còn có hành vi vi phạm pháp luật... như sự cố của “hiệp sĩ” Thạch Đạt đuổi bắt người tình nghi là bọn bắt lương gây tai nạn giao thông nghiêm trọng, suýt làm mất mạng một thường dân, đã lộ rõ bản thân các “hiệp sĩ” đang chơi với chính “lưỡi dao” của mình... [10].

+ Trong cơ chế phối hợp hoạt động với các thiết chế xã hội hiện nay, vị trí, vai trò của Nhà nước chưa được xác định đầy đủ. Như phân tích ở trên, vị trí, vai trò của các chủ thể trong hệ thống kiểm soát xã hội đã được phân công rõ ràng: các cơ quan chuyên trách của Nhà nước là trung tâm hệ thống kiểm soát tội phạm, có vai trò định hướng (hướng dẫn, giúp đỡ) các lực lượng khác; các thiết chế xã hội có vai trò tham gia, hỗ trợ cho Nhà nước trong hoạt động kiểm soát tội phạm. Tuy nhiên, nếu vai trò của Nhà nước chỉ dừng lại ở đó thì sẽ là một thiếu sót nghiêm trọng. Kiểm soát tội phạm là một hoạt động hết sức phức tạp, trong hoạt động này ranh giới giữa đúng - sai, lợi - hại, tích cực - tiêu cực, ngăn chặn, không chế tội phạm với việc thúc đẩy tội phạm rất dễ bị đảo lộn. Chẳng hạn, việc phát hiện tội phạm hay đi kèm với việc xử lý, hành hung hoặc giam giữ trái pháp luật; người dân, thậm chí dân phòng, dân quân nhiệt tình tham gia đuổi bắt tội phạm quá có thể vi phạm luật giao thông, không chỉ gây nguy hiểm cho bản thân mình và mà cho những người khác; sự cảnh giác, đề phòng thái quá, tích cực quá đôi khi cũng dẫn đến kỳ thị, phiền

hà, xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; v.v...

Vì vậy, nhất định hoạt động kiểm soát tội phạm phải được quản lý chặt chẽ, hạn chế sự chệch hướng, tiêu cực của nó mà lực lượng quản lý không ai khác hơn phải là các cơ quan chuyên trách của Nhà nước với đầy đủ công cụ, phương tiện, nhân lực chuyên nghiệp. Vậy nhưng, vai trò của Nhà nước trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm hiện nay mới chỉ là định hướng (thông qua hoạt động hướng dẫn, giúp đỡ) chứ chưa phải là quản lý. Điều này càng nguy hiểm nếu hệ thống kiểm soát xã hội được khuyến khích phát triển hơn nữa. Giả sử như các mô hình Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, tổ chức thám tử tư, Hội giám sát hàng xóm... được thành lập rầm rộ mà không có quy chế chính thức, thống nhất, sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước thì chắc chắn những vi phạm pháp luật của các tổ chức chức này trong khi tham gia kiểm soát tội phạm cũng không phải là không có.

+ *Cơ chế phối hợp hoạt động hiện nay giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội mới chỉ tập trung vào các hoạt động kiểm soát chính thức của Nhà nước.* Bởi lẽ, cơ bản chỉ được thể hiện trong pháp luật hình sự nên cơ chế phối hợp giữa Nhà nước với thiết chế xã hội đã được pháp luật nước ta xác định mới hướng tới phối hợp trong hoạt động kiểm soát bên ngoài. Cơ chế phối hợp đó chủ yếu thể hiện vai trò tham gia của các tổ chức xã hội vào các hoạt động kiểm soát chính thức của Nhà nước như: phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm và thi hành án. Sự phối hợp ngược lại từ phía Nhà nước được thể hiện thông qua việc hướng dẫn, giúp đỡ cũng nhằm giúp các lực lượng xã hội tham gia tích cực vào các hoạt động này mà thôi.

Tính chất phối hợp chưa được thể hiện ở các hoạt động kiểm soát không chính thức,

kiểm soát bên trong của thiết chế xã hội. Trong những quy định đã phân tích trên có đề cập sơ lược đến những hoạt động kiểm soát bên trong của thiết chế như: biện pháp giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật; quản lý, giám sát thành viên; loại trừ nguyên nhân, điều kiện phạm tội... (Sở dĩ chỉ là sơ lược vì pháp luật hình sự không thể quy định cụ thể những vấn đề ấy). Tuy nhiên, các quy định chỉ xác định đó là hoạt động của tổ chức xã hội mà hầu như không thấy sự phối hợp từ phía cơ quan Nhà nước (ngoại trừ việc tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu tổ chức khắc phục các vấn đề này).

+ *Trong cơ chế phối hợp hoạt động, vai trò của các thiết chế xã hội còn mờ nhạt và thụ động.* Do tập trung vào các hoạt động kiểm soát chính thức thuộc phạm vi của các cơ quan Nhà nước chuyên trách nên trong cơ chế phối hợp hoạt động hiện nay các thiết chế xã hội chỉ giữ vai trò tham gia, hỗ trợ. Các hoạt động kiểm soát không chính thức - nơi các thiết chế xã hội chiếm lĩnh vai trò chủ đạo thì lại hầu như không được đề cập trong cơ chế phối hợp. Vì vậy, vai trò của các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát tội phạm còn rất mờ nhạt, sức mạnh to lớn của chúng vẫn chưa được phát huy.

#### **4. Những kiến nghị hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hoạt động kiểm soát tội phạm ở Việt Nam**

Như đã phân tích trên đây, cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm ở nước ta bên cạnh những điểm tích cực cũng còn tồn tại nhiều hạn chế. Những hạn chế đó nếu không được khắc phục sẽ dẫn đến hệ thống hoạt động không nhịp nhàng, hiệu quả làm giảm khả năng kiểm soát tội phạm. Để giải

quyết những tồn tại đó, người viết xin đề xuất những kiến nghị cơ bản sau đây.

- *Nâng cao nhận thức xã hội về hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm và cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội trong hệ thống này.* Tất cả mọi lực lượng xã hội phải nhận thức được sự ưu việt về hiệu quả của hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm, vị trí, vai trò của Nhà nước, các tổ chức xã hội trong hệ thống ấy và tính cần thiết của cơ chế phối hợp hoạt động giữa hai chủ thể này. Chỉ khi nhận thức đầy đủ như vậy thì cả Nhà nước và xã hội mới ủng hộ và nỗ lực thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp hoạt động nói trên. Ngược lại, Nhà nước có thể coi kiểm soát tội phạm là nhiệm vụ riêng của mình, không khuyến khích, cho phép các lực lượng xã hội khác tham gia, các tổ chức xã hội cũng có thể thờ ơ, phó mặc nhiệm vụ kiểm soát tội phạm cho Nhà nước hoặc hai chủ thể đều tích cực tham gia kiểm soát tội phạm nhưng độc lập và tách biệt dẫn đến mâu thuẫn, trùng lặp trong hoạt động, suy giảm sức mạnh tổng hợp; v.v... Để nâng cao nhận thức xã hội về vấn đề này cần đẩy mạnh hơn nữa nghiên cứu và tuyên truyền về lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm nói chung và cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội nói riêng.

- *Hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về cơ chế phối hợp hoạt động kiểm soát tội phạm giữa Nhà nước với các thiết chế xã hội.* Vấn đề cần hoàn thiện đầu tiên là phải xác định quan hệ phối hợp này mang tính nghĩa vụ. Như đã phân tích ở trên, cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội được pháp luật nước ta công khai khẳng định nhưng tính chất của quan hệ phối hợp chỉ được quy định là trách nhiệm chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc thực hiện. Do đó, sự phối hợp diễn ra tùy tiện, thiếu đồng bộ về mức độ giữa các địa

phương trong cả nước. Ngoài ra, cần phải bổ sung nhiệm vụ quản lý chung đối với toàn bộ hệ thống kiểm soát tội phạm cho cơ quan chuyên trách của Nhà nước. Để cả hệ thống hoạt động đúng hướng, lực lượng chuyên nghiệp nhất phải đảm nhiệm vai trò quản lý, điều hành hoạt động của các lực lượng còn lại. Cho nên, nhiệm vụ phối hợp của Nhà nước trong hệ thống kiểm soát tội phạm sẽ phải bao gồm:

+ Hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức, cá nhân tham gia kiểm soát tội phạm;

+ Quản lý hoạt động kiểm soát tội phạm.

Trên cơ sở những quy định được sửa đổi, bổ sung này, cơ quan kiểm soát tội phạm của Nhà nước sẽ phải thành lập bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm nhiệm vụ phối hợp, quản lý, điều hành hoạt động kiểm soát tội phạm của các lực lượng xã hội theo chuyên môn của mình. Ngoài ra, nên hoàn thiện một số điều luật của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam để tăng tính cụ thể hướng dẫn nội dung này.

- *Xây dựng Khung quy chế hoạt động của các tổ chức xã hội tham gia kiểm soát tội phạm.* Với việc ban hành Quy chế hoạt động cho một số tổ chức xã hội tham gia kiểm soát tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội bên cạnh hệ thống lực lượng chính thức sẽ tạo ra tổ hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả rất tốt và nhiều địa phương trên địa bàn cả nước đã có Quy chế hoạt động, song nhiều nơi lại chưa có. Do đó, ở mức độ chung, Quy chế sẽ quy định chung về trách nhiệm, quyền hạn, nguyên tắc, phương thức hoạt động... của các lực lượng xã hội tham gia kiểm soát tội phạm. Tuy nhiên, để tránh việc lạm quyền, vi phạm pháp luật, các tổ chức cụ thể tham gia kiểm soát tội phạm phải có quy chế hoạt động trên cơ sở quy chế khung do Nhà nước ban hành. Đây vừa là khuôn khổ định hướng cho hoạt động kiểm

soát tội phạm của các tổ chức xã hội vừa là căn cứ pháp lý để Nhà nước quản lý, điều hành hoạt động của các tổ chức này, cũng như loại trừ việc lạm quyền, lạm dụng quyền để vi phạm pháp luật. Hoàn thiện những nội dung (quy định) liên quan trong Bộ luật hình sự như chế định phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết... hoặc bổ sung những trường hợp có ích cho xã hội như: gây thiệt hại hợp pháp khi bắt người phạm tội, sự kiện bất khả kháng... có vai trò thiết thực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người và nâng cao hiệu quả kiểm soát xã hội đối với tội phạm [11].

- *Tăng cường các chính sách, hành động thực tiễn nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động kiểm soát không chính thức.* Mặc dù kiểm soát xã hội đối với tội phạm ở Việt Nam đã trở thành một hệ thống đa dạng về chủ thể và phương thức tiến hành nhưng chủ yếu vẫn tập trung xoay quanh các hoạt động kiểm soát chính thức của Nhà nước khiến cho sức mạnh của các lực lượng xã hội khác với ưu thế là kiểm soát bên trong không được phát huy. Vì vậy, Nhà nước ta cần tăng cường các chính sách, chương trình hành động nhằm thúc đẩy hoạt động kiểm soát đặc thù của các thiết chế xã hội. Biện pháp cụ thể ví dụ như là tuyên dương, khen thưởng tập thể, nhóm, cá nhân có thành tích tốt trong phòng, chống tội phạm hoặc phê phán, rút kinh nghiệm trong trường hợp ngược lại; đẩy mạnh việc trang bị kiến thức pháp luật trong các cộng đồng dân cư, đặc biệt coi trọng giáo dục pháp luật đối với người có chức sắc trong tổ chức tôn giáo, giáo lý, tổ chức chính trị, xã hội; cha mẹ của người chưa thành niên.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc học tập, triển khai, nhân rộng các mô hình tổ chức xã hội tham gia kiểm soát tội phạm thành công ở trong cũng như ngoài nước; v.v...

## 5. Kết luận

Tóm lại, bước đầu nghiên cứu về vị trí, vai trò của Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm, sự cần thiết của cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm, đồng thời liên hệ với thực tiễn Việt Nam có ý nghĩa chính trị, xã hội, pháp lý và quốc tế xã hội quan trọng, qua đó nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận khác trong hệ thống (lý thuyết) kiểm soát xã hội đối với tội phạm, cũng như đánh giá, tổng kết kinh nghiệm các nước và của Việt Nam trong thời gian qua vẫn luôn có tính thời sự cấp bách. Những nỗ lực đó được thực hiện không những bởi Nhà nước, Chính phủ và các cộng đồng xã hội, dân cư, mà còn là trách nhiệm của các nhà lập pháp, các cán bộ hoạt động thực tiễn, cũng như của các nhà xã hội học, luật gia và những nhà Tội phạm học đương đại của Việt Nam và thế giới.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- [2] Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
- [3] Chung Á, Nguyễn Đình Tấn (đồng chủ biên), Nghiên cứu Xã hội học, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội 1997.
- [4] Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh (đồng chủ biên), Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.
- [5] Trang nhất Báo Lao động, số ra ngày 01-09-2012.
- [6] [Http://congannghien.vn/NewsDetails.aspx?NewsID=23479](http://congannghien.vn/NewsDetails.aspx?NewsID=23479).
- [7] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1996.

- [8] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1996.
- [9] Những chuyện chưa được của “Dân phòng” - loạt phóng sự 5 kỳ đăng trên báo Pháp luật và xã hội, tháng 9-2012.
- [10] Báo Điện tử Sài Gòn giải phóng: Hiệp sĩ đường phố - cần mô hình, thiết chế hoạt động hợp pháp, ngày 18-10-2012.
- [11] Trịnh Tiến Việt, Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những yêu cầu đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, Tạp chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 4 (2013) 15.

## Mechanism of Coordination Between State and Social Institutions in Social Control System for Criminals and Realities in Vietnam

Trịnh Tiến Việt

*VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The paper analyzes the position and role of the State and social institutions in the social control system for criminals, the need for the mechanism of coordination between the State and the social institutions in the social control system for criminals, and at the same time connects it with Vietnam's realities, whence recommendations for perfecting this mechanism are made.

*Keywords:* Social control of criminals; State; Social institutions.